

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/DS-PT
Ngày 02-6-2022
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Bích P, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A, đường V, khu phố B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số B, đường Đ, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 hoặc ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1996; địa chỉ: Số S, L, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2022).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Bích P trình bày:

Từ tháng 8 năm 2020, bà P có tham gia nhiều dây hội do bà Nguyễn Thị Thuỳ T làm chủ hội, bà P là hội viên. Trong quá trình tham gia dây hội bà T có đề xuất với bà P do là hội ngày, hội tháng nên rất mất thời gian đi gom hội, do vậy sẽ để 10 ngày tính một lần, rồi sau đó bà T tiếp tục đề nghị một tháng mới mở hội một lần cho nhiều dây hội và bà P đồng ý. Trong quá trình đóng tiền hội, nhận tiền lãi hội bà P có ghi chú trong điện thoại nhưng nay bà P không còn lưu giữ. Loại hội ngày không có thoả thuận ngày hốt hội mà bà T nói khi nào cần hốt hội thì báo trước cho bà T, bà T sẽ cho hốt, mỗi tháng bà T sẽ trả tiền lãi hội cho bà P.

Cụ thể các dây hội đã đóng như sau:

- Dây thứ nhất: Loại hội ngày, mỗi phần 2.700.000 đồng.

Ngày 08/4/2020 (âm lịch), bà P tham gia 30 phần, đóng cho bà T số tiền 81.000.000 đồng, được tính như sau: $2.700.000 \text{ đồng} \times 30 = 81.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 20/4/2020 (âm lịch), bà P tham gia 30 phần, đóng cho bà T số tiền 81.000.000 đồng, được tính như sau: $2.700.000 \text{ đồng} \times 30 = 81.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 10/7/2020 (âm lịch), bà P tham gia 50 phần, đóng cho bà T số tiền 135.000.000 đồng, được tính như sau: $2.700.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ phần} = 135.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 24/8/2020 (âm lịch), bà P tham gia 40 phần, đóng cho bà T số tiền 108.000.000 đồng, được tính như sau: $2.700.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ phần} = 108.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 10/10/2020, (âm lịch), bà P tham gia 50 phần, đóng cho bà T số tiền 135.000.000 đồng, được tính như sau: $2.700.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ phần} = 135.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 24/11/2020 (âm lịch), bà P tham gia 50 phần, đóng cho bà T số tiền 135.000.000 đồng, được tính như sau: $2.700.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ phần} = 135.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 10/12/2020 (âm lịch), bà P tham gia 40 phần, đóng cho bà T số tiền 108.000.000 đồng, được tính như sau: $2.700.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ phần} = 108.000.000 \text{ đồng}$.

Tính từ ngày 08/4/2020 đến ngày 10/12/2020 (âm lịch), bà P đã đóng hội cho bà T tổng cộng $290 \text{ phần} \times 2.700.000 \text{ đồng} = 783.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây thứ hai: Loại hội tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng, bà P tham gia 03 phần. Dây hội này gồm 12 hội viên, thoả thuận ngày hốt là ngày 10 (âm lịch) hàng tháng. Cụ thể như sau:

Ngày 10/01/2021 (âm lịch), bà P đóng cho bà T số tiền 30.000.000 đồng, được tính như sau: $10.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phần} = 30.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 10/02/2021 (âm lịch) bà P đóng cho bà T số tiền 30.000.000 đồng, được tính như sau: $10.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phần} = 30.000.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 10/01/2021 đến ngày 10/02/2021 (âm lịch), bà P đã đóng hụi cho bà T với số tiền 60.000.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi bà P đã đóng cho bà T 783.000.000 đồng + 60.000.000 đồng = 843.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Bà P đã nhận tiền lãi hụi của bà T tổng cộng các dây hụi với số tiền 72.500.000 đồng (bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Đến khoảng tháng 4 năm 2021, bà T tuyên bố bẻ hụi. Ngày 15/4/2021, giữa bà T và bà P có lập văn bản thoả thuận chốt số tiền bà T nợ hụi bà P là 843.000.000 đồng và thoả thuận đến ngày 15/5/2021 sẽ trả đủ cho bà P hết số tiền gốc và không tính tiền lãi phát sinh. Văn bản “Giấy hụi” ngày 15/4/2021, do bà P viết, bà T ký, lăn tay và ghi rõ họ tên, bản chính do bà P giữ. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán dù bà P đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không trả tiền cho bà P như đã cam kết nên bà P khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi là 843.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Ngày 26/11/2021, bà P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi đã nhận là 72.500.000 đồng (bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên toà, bà P tiếp tục xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 270.500.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng hai lần rút yêu cầu khởi kiện là 343.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu đồng), chỉ yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi còn lại là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy hụi ngày 15/4/2021.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thuỳ T trình bày:

Bà T xác nhận lời trình bày của bà P về việc bà P có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Bà T tổ chức chơi hụi vào 2018 đến năm 2021; năm 2020, bà Nguyễn Bích P có tự nguyện đưa tiền cho bà T nhiều lần để góp hụi, đồng thời trong thời gian đó bà T cũng đã trả lại tiền hụi cho bà P nhiều lần nhưng không nhớ là đã trả bao nhiêu.

Đối với “Giấy hụi” ngày 15/4/2021, do bà P cung cấp, bà T không nhớ có ký vào “Giấy hụi” này hay không. Bởi vì, tại thời điểm tháng 4 năm 2021, bà P cùng một số người khác có đến nhà bà T yêu cầu trả nợ, bắt ký vào một số giấy tờ nên bà T không nhớ là ký vào các giấy tờ nào. Bà T đề nghị bà P phải cung cấp bản chính “Giấy hụi” ngày 15/4/2021 cho Toà án để đối chiếu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P về số tiền nợ hụi là 843.000.00 đồng, bà T có ý kiến như sau: Bà T đã trả cho bà P nhiều lần, chỉ còn nợ hụi khoảng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Bị đơn không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P đối với bà Nguyễn Thị Thùy T về việc “Tranh chấp hui”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Bích P số tiền nợ hui là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P đối với số tiền 343.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và thừa nhận chữ ký tại “Giấy hui” ngày 15/4/2021 là của bị đơn bà T. Tuy nhiên, bà T bị ép buộc ký vào giấy nhận nợ trên, đồng thời bà T đã trả cho bà P nhiều lần tiền nên chỉ còn nợ bà P số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện.

Nguyên đơn bà Nguyễn Bích P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà T thừa nhận chữ ký tại “Giấy hui” ngày 15/4/2021 là của bị đơn bà T nhưng bà T cho rằng mình bị ép buộc ký vào giấy nhận nợ trên, đồng thời bà T đã trả cho bà P nhiều lần tiền nên chỉ còn nợ bà P số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ vào “Giấy hui” ngày 15/4/2021 thì có căn cứ xác định bà T nợ của bà P số tiền 843.000.000 đồng, bà P tự nguyện chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ 500.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Bích P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 343.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà P, là phù hợp theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T trả lại số tiền nợ hui là 500.000.000 đồng, chứng cứ nguyên đơn xuất trình là “Giấy hui” ngày 15/4/2021. Bị đơn bà T và người đại diện hợp pháp của bà T thừa nhận có tham gia chơi hui cùng bà P nhưng bà T cũng đã nhiều lần trả tiền hui cho bà P nên số tiền bà T còn nợ bà P là 200.000.000 đồng.

[3] Bà T cho rằng đã thanh toán tiền nợ hui cho bà P nhiều lần và chỉ còn nợ lại số tiền 200.000.000 đồng nhưng không được bà P thừa nhận và bà T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Đối với chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là “Giấy hui” ngày 15/4/2021 thì tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T và người đại diện hợp pháp của bà T không xác định chữ ký trong “Giấy hui” ngày 15/4/2021 có phải của bà T hay không nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà T thừa nhận chữ ký tại “Giấy hui” ngày 15/4/2021 là của bà T nhưng cho rằng bà T bị ép buộc ký nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà T bị ép buộc ký vào giấy nhận nợ hui trên. Do vậy, căn cứ vào chứng cứ là “Giấy hui” ngày 15/4/2021 thì bà T còn nợ bà P số tiền 843.000.000 đồng, đến hạn trả nợ bà T không thanh toán cho bà P là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà P chỉ yêu cầu bà T trả lại số tiền 500.000.000 đồng trong tổng số tiền 843.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà P, phù hợp theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P, buộc bị đơn bà T trả cho bà P số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001136 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết